

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /UBND-KT

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2022

V/v xin ý kiến về quy định nội
dung Chương trình mục tiêu Y tế
Dân số giai đoạn 2021-2025 trên
địa bàn tỉnh Đồng Tháp

Kính gửi: Bộ Y tế

Thực hiện nội dung văn bản số 7852/BTC-HCSN ngày 08 tháng 8 năm 2022 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn định mức chi các nhiệm vụ thuộc Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số chuyển thành nhiệm vụ chi thường xuyên, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp đang xây dựng dự thảo Nghị quyết quy định nội dung định mức hỗ trợ các hoạt động chương trình Mục tiêu Y tế Dân số tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021-2025 trình Hội đồng nhân dân Tỉnh thông qua theo quy định.

Để duy trì và nâng cao các kết quả đạt được của Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp, nội dung dự thảo Nghị quyết quy định đề xuất hỗ trợ một số nhiệm vụ chi có tính đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Trung ương quy định như: Hoạt động phòng, chống lao; hoạt động phòng, chống phong; hoạt động phòng, chống sốt rét; hoạt động phòng, chống sốt xuất huyết; hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần; tiêm chủng mở rộng; dân số và phát triển; an toàn thực phẩm; phòng, chống HIV/AIDS.

Thực hiện theo quy định tại Khoản 3, Điều 21, Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Tháp kính đề nghị Bộ Y tế xem xét, cho ý kiến về nội dung định mức hỗ trợ các hoạt động Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2021-2025 (*Chi tiết tại dự thảo Nghị quyết đính kèm*).

Kính trình Bộ Y tế xem xét, cho ý kiến./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Chủ tịch và các PCT/UBND Tỉnh;
- Sở Y tế;
- Lãnh đạo VP/UBND Tỉnh;
- Lưu: VT, P.KT/HSĩ (02 bản).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đoàn Tấn Bửu

Số: /2022/NQ-HĐND

Đồng Tháp, ngày tháng năm 2022

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định nội dung định mức hỗ trợ kinh phí chương trình mục tiêu y tế dân số tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2022-2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP
KHÓA X, KỲ HỌP LẦN THỨ**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 374/QĐ-TTg ngày 17 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phòng, chống lao đến năm 2020 và tầm nhìn 2030;

Căn cứ Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 17 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược Quốc gia phòng, chống bệnh ung thư, tim mạch, đái tháo đường, bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính, hen phế quản và các bệnh không lây nhiễm khác giai đoạn 2015-2025;

Căn cứ Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1745/QĐ-TTg ngày 04 tháng 12 năm 2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ủy ban Quốc gia về chăm dứt bệnh lao;

Căn cứ Quyết định số 1246/QĐ-TTg ngày 14 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược Quốc gia chăm dứt bệnh AIDS vào năm 2030;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2022 của Ủy ban nhân dân Tỉnh về việc ban hành Nghị quyết quy nội dung định mức hỗ trợ kinh phí chương trình mục tiêu Y tế Dân số tỉnh Đồng Tháp giai đoạn 2022-2025; Báo cáo thẩm tra số /BC-HĐND ngày tháng năm 2022 của Ban Văn hoá - Xã hội Hội đồng nhân dân Tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Nghị quyết này quy định nội dung, định mức hỗ trợ hoạt động chương trình mục tiêu y tế dân số trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

b) Những hoạt động thực hiện mục tiêu y tế dân số không được quy định tại Nghị quyết này, thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đối tượng áp dụng:

Nghị quyết này áp dụng đối với cơ quan, đơn vị, tổ chức và cá nhân liên quan đến quản lý, sử dụng nguồn ngân sách nhà nước thực hiện hoạt động thực hiện mục tiêu y tế dân số trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Nội dung và định mức hỗ trợ

(Đính kèm theo Phụ lục)

Điều 3. Giao Ủy ban nhân dân Tỉnh triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Điều 4. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân tỉnh khóa X, kỳ họp lần thứ ... thông qua ngày ... tháng ... năm 2022 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2022./.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh, CP;
- Ban CTĐB;
- Bộ Y tế;
- Bộ Tài chính;
- Cục kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư Pháp);
- TT/TU, UBND, MTTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh, đại biểu HĐND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- TT/HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

PHỤ LỤC
NỘI DUNG, ĐỊNH MỨC HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU Y TẾ DÂN SỐ TỈNH ĐỒNG THÁP GIAI
ĐOẠN 2022-2025

(Kèm theo Nghị quyết số /2022/NQ-HĐND ngày tháng 7 năm 2022 của Hội đồng nhân dân Tỉnh)

DỰ ÁN	NỘI DUNG	Định mức đề xuất	Ghi chú
DA 1: (11 nội dung/ hợp phần)	Phòng, chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm và các bệnh không lây nhiễm phổ biến.		
1	Hoạt động phòng, chống lao R		
	Bồi dưỡng phát hiện BK(+):	30.000 đồng/bệnh nhân	Điều 5, Khoản 2, điểm a, Thông tư 26/2018/TT-BTC
	Chi hỗ trợ CBYT trực tiếp cấp phát thuốc điều trị 6 - 8 tháng/lao thường:		
	- Bệnh nhân lao thường (không có kháng thuốc):	120.000 đồng/bệnh nhân	Điều 5, Khoản 2, điểm c, Thông tư 26/2018/TT-BTC
	- Bệnh nhân lao đa kháng phác đồ 9 tháng:	150.000 đồng/bệnh nhân	Điều 5, Khoản 2, điểm c, Thông tư 26/2018/TT-BTC
	- Bệnh nhân lao đa kháng phác đồ 20 tháng:	300.000 đồng/bệnh nhân	Điều 5, Khoản 2, điểm c, Thông tư 26/2018/TT-BTC
	Chi hỗ trợ CBYT trực tiếp cấp phát thuốc điều trị lao kháng thuốc:	300.000 đồng/bệnh nhân	Điều 5, Khoản 2, điểm c, Thông tư 26/2018/TT-BTC
	Quản lý dự phòng lao trẻ em tiếp xúc nguồn lây bằng INH 6 tháng:	100.000 đồng/trẻ	Điều 5, Khoản 2, điểm c Thông tư 26/2018/TT-BTC
	Bồi dưỡng Chuyên trách lao tuyến xã trực tiếp khám và đưa BN tới tổ lao Xã vùng ven, cận: (144 xã)	30.000 đ/xã/tháng	Điều 5, Khoản 2, điểm c, Thông tư 26/2018/TT-BTC
2	Hoạt động phòng ,chống phong R		
	Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế trực tiếp cấp phát thuốc và theo dõi bệnh nhân phong đa hóa trị liệu tại nhà, ngoài chế độ công tác phí hiện hành: Mức hỗ trợ như sau:		
	- Đối với bệnh nhân nhóm ít vi khuẩn, điều trị đủ liều từ 6-9 tháng:	200.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị đủ liều	Điểm b, khoản 1, Điều 5, Thông tư 26/2018/TT-BTC
	- Đối với bệnh nhân nhóm nhiều vi khuẩn, điều trị đủ liều từ 12-18 tháng	400.000 đồng/bệnh nhân/đợt điều trị đủ liều	Điểm b, khoản 1, Điều 5, Thông tư 26/2018/TT-BTC

DỰ ÁN	NỘI DUNG	Định mức đề xuất	Ghi chú
	Bệnh nhân phong thuộc hộ nghèo được hỗ trợ:		Điểm b, khoản 1, Điều 5, Thông tư 26/2018/TT-BTC
	- Dụng cụ phục hồi chức năng cho bệnh nhân phong bị khuyết tật theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 7 Thông tư này		
	- Chi hỗ trợ người khuyết tật thuộc hộ gia đình nghèo, hộ đồng bào dân tộc thiểu số, trẻ em khuyết tật dưới 6 tuổi (sau đây gọi chung là người khuyết tật) tham gia mô hình phục hồi chức năng:		
	- Chi phẫu thuật - chỉnh hình (nếu có) trong trường hợp người khuyết tật không được Quỹ BHYT thanh toán:	Theo giá dịch vụ KCB hiện hành của cơ quan có thẩm quyền quy định đối với cơ sở KCB công lập;	
	- Chi hỗ trợ dụng cụ chỉnh hình (nếu có):	650.000 đồng/bệnh nhân;	
	- Chi hỗ trợ dụng cụ tập phục hồi chức năng phù hợp với người khuyết tật	1.300.000 đồng/bệnh nhân.	Điểm b, khoản 2, Điều 7, TT 26/2018/TT-BTC
	- Trường hợp bệnh nhân nạo vét lỗ đáo điều trị tại trạm y tế xã, cơ sở y tế khu vực được hỗ trợ	50.000 đồng/người/ngày, thời gian hỗ trợ không quá 20 ngày;	
	- Trường hợp bệnh nhân phong bị cơn phản ứng phong nặng hoặc tai biến điều trị được hỗ trợ tiền thuê phương tiện vận chuyên từ nhà đến trạm y tế xã, khu điều trị phong hoặc bệnh viện đa khoa khu vực	0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm sử dụng	
	Chi thù lao cho người phát hiện bệnh nhân phong mới và giới thiệu hoặc đưa được họ đến cơ sở y tế khám chẩn đoán	200.000 đồng/bệnh nhân	Điểm b, khoản 1, Điều 5, TT 26/2018/TT-BTC
3	Hoạt động phòng, chống sốt rét		
	Chi hỗ trợ người lấy mẫu bệnh mẫu, mẫu máu	7.000 đồng/mẫu	Điểm a, Khoản 16, Điều 4, TT 26/2018/TT-BTC
	Chi hỗ trợ CB xét nghiệm để định loại véc tơ truyền bệnh Sốt rét:	5.000 đồng/mẫu	Điểm a, khoản 3, Điều 5, TT 26/2018/TT-BTC
	Chi hỗ trợ cán bộ tại điểm kính hiển vi, soi lam sốt rét:	150.000 đồng/tháng	Điểm b, khoản 3, Điều 5, TT 26/2018/TT-BTC
	Chi trả công người làm mồi và người đi bắt muỗi đêm	130.000 đồng/người/đêm	Điểm c, khoản 3, Điều 5, TT 26/2018/TT-BTC
	Chi trả công người trực tiếp phun, tẩm hóa chất diệt muỗi	200.000 đồng/người/ngày	Điểm d, khoản 3, Điều 5, TT 26/2018/TT-BTC

DỰ ÁN	NỘI DUNG	Định mức đề xuất	Ghi chú
4	Hoạt động phòng, chống sốt xuất huyết		
	Chi hỗ trợ người lấy mẫu bệnh mẫu, mẫu máu: SXH, HIV/AIDS, giang mai	7.000 đồng/mẫu	Điểm a, Khoản 16, Điều 4, TT 26/2018/TT-BTC
	Chi hỗ trợ CB xét nghiệm để định loại véc tơ truyền bệnh Sốt rét	5.000 đồng/mẫu	Điểm a, khoản 4, Điều 5, TT 26/2018/TT-BTC
	Chi trả công người trực tiếp phun, tẩm hóa chất diệt muỗi	200.000 đồng/người/ngày	Điểm b, khoản 4, Điều 5, TT 26/2018/TT-BTC
	Chi trả công cho người trực tiếp diệt bọ gậy, lăng quăng tại hộ gia đình tổ chức chiến dịch	3.000 đồng/hộ/lần	Điểm b, khoản 4, Điều 5, TT 26/2018/TT-BTC
5	Hoạt động phòng, chống bệnh truyền nhiễm nguy hiểm khác		
6	Hoạt động bảo vệ sức khỏe tâm thần R		
	- Chi hỗ trợ cho cán bộ y tế tuyến xã được phân công cấp thuốc định kỳ cho bệnh nhân tâm thần tại gia đình:	150.000 đồng/xã/tháng	Điểm b, khoản 5, Điều 5, TT 26/2018/TT-BTC
	- Chi hỗ trợ nhân viên y tế áp, xã tham gia phục hồi chức năng cho bệnh nhân tâm thần tại cộng đồng	20.000 đồng/bệnh nhân/tháng nhưng không qua 100.000 đồng/áp, xã tháng	Điểm b, khoản 5, Điều 5, TT 26/2018/TT-BTC
7	Hoạt động phòng, chống bệnh ung thư		
8	Hoạt động phòng, chống bệnh tim mạch		
9	Hoạt động phòng, chống bệnh đái tháo đường và phòng, chống các rối loạn do thiếu iốt		
10	Hoạt động phòng, chống bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và hen phế quản		
11	Hoạt động y tế trường học		
DA 2	Tiêm chủng mở rộng R		
	Thù lao cho CTV (người không hưởng lương hoặc PC hàng tháng từ NSNN) phục vụ cho KSL, ghi chép hồ sơ, viết thư mời và mời đối tượng hàng tháng (1 người x 2 ngày/tháng x 12 tháng x 143 xã)	140.000 đồng/ngày/người/tháng	Điểm b, Khoản 19, Điều 4, TT 26/2018/TT-BTC
	Chi hỗ trợ CBYT cho trẻ uống hoặc tiêm vắc xin đủ 8 liều theo quy định của chương trình:	2.000 đồng/trẻ/lần uống hoặc tiêm vắc xin	Điểm b, khoản 1, Điều 6, TT 26/2018/TT-BTC
	Chi hỗ trợ CBYT tiêm vắc xin trong chiến dịch tiêm chủng bổ sung	2.000 đồng/trẻ/lần uống hoặc tiêm vắc xin	Điểm b, khoản 2, Điều 6, TT 26/2018/TT-BTC
DA 3	Dân số và phát triển R		
	Chi hỗ trợ thực hiện chính sách triệt sản:		

DỰ ÁN	NỘI DUNG	Định mức đề xuất	Ghi chú
	- Đối tượng được hỗ trợ: Người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, đối tượng bảo trợ xã hội;	300.000 đồng/người tự nguyện triệt sản	Điểm a, khoản 1, Điều 7, TT 26/2018/TT-BTC
	- Hỗ trợ chi phí đi lại đối với người tự nguyện triệt sản đến trung tâm làm kỹ thuật triệt sản	0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm sử dụng	Điểm b, khoản 1, Điều 7, TT 26/2018/TT-BTC
	Chi hỗ trợ cán bộ y tế cấp xã chăm sóc người tự nguyện triệt sản tại nhà sau phẫu thuật với mức hỗ trợ	50.000đ/ người tự nguyện triệt sản	Điểm l, khoản 1, Điều 7, TT 26/2018/TT-BTC
	Cập nhật thông tin vào sổ Ao, lập phiếu thu	5.000 đồng/phiếu thu tin	Điểm i, khoản 1, Điều 7, TT 26/2018/TT-BTC
	Chi hỗ trợ cho trẻ em 6 tháng đến 60 tháng tuổi uống vitamin A tại cộng đồng:	2.000 đồng/trẻ/liều	Điểm c, khoản 5, Điều 7, TT 26/2018/TT-BTC
DA 4	An toàn thực phẩm		
	Hỗ trợ cho cộng tác viên chuyên trách tuyến xã, phường, thị trấn giai đoạn 2021-2025	150.000 đồng/xã/tháng	Khoản 21, điều 4 Thông tư 26/2018/TT-BTC
DA 5	Phòng, chống HIV/AIDS		
	Chi phụ cấp cho nhân viên tiếp cận cộng đồng đã được cấp thẻ	500.000 đồng/người/tháng	Điểm a, khoản 2, Điều 9, TT 26/2018/TT-BTC
	Hỗ trợ tư vấn xét nghiệm HIV	500.000 đồng/người/tháng	Điểm b, Khoản 18, Điều 4, TT 26/2018/TT-BTC
	Hỗ trợ tư vấn Methadone	500.000 đồng/người/tháng	Điểm b, Khoản 18, Điều 4, TT 26/2018/TT-BTC
DA 6	Bảo đảm máu an toàn và phòng, chống một số bệnh lý huyết học		
DA 7	Quân dân y kết hợp		
DA 8	Theo dõi, kiểm tra, giám sát, đánh giá thực hiện chương trình và truyền thông y tế		